

Số: /VPUBND-TT2
V/v: mời quan tâm, cung cấp báo giá
"Nâng cấp phần mềm Văn bản Quy
phạm pháp luật tỉnh Ninh Bình"

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Các doanh nghiệp, đơn vị cung cấp dịch vụ công nghệ số.

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số; Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 39/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập và quản lý chi phí trong hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước;

Thực hiện Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 26/3/2026 của UBND tỉnh về Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình năm 2026; Công văn số 4755/UBND-VP11 ngày 09/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc điều chỉnh, thay thế Phụ lục 2 Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 26/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Nhằm khảo sát thị trường, thu thập thông tin phục vụ lập dự toán, xác định giá gói thầu và hoàn thiện hồ sơ chuẩn bị đầu tư theo quy định của pháp luật, Văn phòng UBND tỉnh Ninh Bình trân trọng đề nghị các doanh nghiệp, đơn vị cung cấp dịch vụ công nghệ số quan tâm, báo giá "Nâng cấp phần mềm Văn bản Quy phạm pháp luật tỉnh Ninh Bình", cụ thể như sau:

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ đề nghị báo giá: Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

2. Thời điểm đề nghị báo giá: Tháng 7 năm 2026.

3. Thông tin tiếp nhận báo giá:

- Tên cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh Ninh Bình
- Địa chỉ: Số 03, Đường Lê Hồng Phong, Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
- Email: vpubnd@ninhbinh.gov.vn

- Số điện thoại: (0229) 3871059.
- Thời hạn nhận báo giá: **trước 17 giờ ngày 5/8/2026.**

4. Yêu cầu đối với báo giá:

- Báo giá được lập bằng đồng Việt Nam (VNĐ), đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và các chi phí liên quan khác theo quy định.

- Báo giá phải đáp ứng các thông tin tại mục 1 và đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ; Thông tư số 39/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Thời gian có hiệu lực của báo giá tối thiểu 150 ngày kể từ ngày phát hành.

Văn phòng UBND tỉnh Ninh Bình trân trọng kính mời các doanh nghiệp, đơn vị cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin quan tâm, gửi báo giá để tổng hợp, làm cơ sở nghiên cứu, đề xuất phương án triển khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh ;
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VP12, TT2.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Trần Duy Tùng

Phụ lục: Danh mục hàng hóa, dịch vụ đề nghị báo giá
(Kèm theo Công văn số /VPUBND-TT2 ngày tháng năm 2026
của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

I. Danh mục hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin đề nghị báo giá

STT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm thực hiện
1	Chi phí phần mềm				
1.1	Chi phí xây dựng, nâng cấp, phát triển phần mềm nội bộ Văn bản Quy phạm pháp luật tỉnh Ninh Bình	1	gói	Nâng cấp, hoàn thiện phần mềm Văn bản Quy phạm pháp luật tỉnh Ninh Bình đáp ứng các chức năng quản lý, lưu trữ, phân loại, tra cứu, thống kê, phân tích văn bản Quy phạm pháp luật, quản trị người dùng, tích hợp hệ thống Quản lý văn bản và SSO của tỉnh; chuyển đổi cơ sở dữ liệu từ hệ thống cũ	Văn phòng UBND tỉnh Ninh Bình
2	Chi phí khác				
2.1	Chi phí đào tạo, hướng dẫn sử dụng	1	gói	Đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống và người sử dụng	Văn phòng UBND tỉnh Ninh Bình
3	Chi phí chung			Theo quy định tại Thông tư số 39/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ	
4	Thu nhập chịu thuế tính trước			Theo quy định tại Thông tư số 39/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ	
5	Thuế và phí liên quan			Thuế giá trị gia tăng và các khoản thuế, phí khác theo quy định hiện hành	

II. NỘI DUNG CHUNG

1. Tên dịch vụ

Nâng cấp phần mềm Văn bản Quy phạm pháp luật tỉnh Ninh Bình.

2. Mục tiêu

Xây dựng, nâng cấp phần mềm Văn bản Quy phạm pháp luật tỉnh Ninh Bình tạo nên một nền tảng quản lý và tra cứu văn bản quy phạm pháp luật hiệu quả, minh bạch, nhất quán, từ đó hỗ trợ việc ban hành, áp dụng và tuân thủ pháp luật một cách tốt nhất. Hệ thống không chỉ giúp cải thiện quản lý hành chính mà còn góp phần nâng cao ý thức pháp luật và tuân thủ pháp luật của toàn xã hội. Hệ thống có chức năng lưu trữ các văn bản quy phạm pháp luật một cách có tổ chức, giúp cơ quan quản lý dễ dàng theo dõi, cập nhật và kiểm soát các văn bản quy phạm pháp luật. Điều này giúp giảm thiểu rủi ro mất mát hoặc sai sót trong quá trình quản lý văn bản quy phạm pháp luật của đơn vị.

Việc hệ thống hoá các văn bản pháp luật giúp người dùng có thể dễ dàng tìm kiếm văn bản pháp luật theo nhiều tiêu chí, đồng thời phần mềm cung cấp công cụ hỗ trợ thống kê, phân tích, đánh giá hiệu quả của các văn bản pháp luật hiện hành, giúp người dùng tra cứu, hiểu rõ hơn về nội dung, ý nghĩa của các quy định pháp luật, việc xây dựng giúp công khai các văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo mọi cá nhân, tổ chức đều có thể tiếp cận thông tin pháp lý một cách minh bạch, nhằm thực hiện chủ trương công khai, minh bạch hóa chính sách, pháp luật, xây dựng Nhà nước pháp quyền, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và phát triển kinh tế - xã hội.

Hệ thống Phần mềm Văn bản Quy phạm pháp luật tỉnh Ninh Bình sẽ được xây dựng đáp ứng đầy đủ về kỹ thuật và có khả năng kết nối đến các hệ thống khác đang được triển khai sử dụng trong tỉnh như Hệ thống phần mềm quản lý văn bản, Hệ thống đăng nhập tài khoản đăng nhập một lần SSO thông qua trực tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh LGSP phục vụ sự đồng bộ hóa về dữ liệu văn bản giữa các hệ thống, tạo nên sự nhất quán, chính xác về thông tin văn bản quy phạm pháp luật giữa các hệ thống trong tỉnh, giúp giảm thiểu chi phí và thời gian trong công tác phân phối thông tin, rút ngắn thời gian để thông tin đến được với người dân, doanh nghiệp.

Đặc biệt, việc nâng cấp phần mềm nhằm bảo đảm hoạt động biên tập, phê duyệt, đăng tải văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh đáp ứng đầy đủ các quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025 (số 64/2025/QH15) và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ

quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Nội dung

- Nâng cấp, thay thế Phần mềm Quy phạm pháp luật tỉnh Ninh Bình hiện tại để đáp ứng yêu cầu quản lý trong hoạt động phê duyệt, đăng tải, tra cứu tài liệu Văn bản quy phạm pháp luật của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, bao gồm các chức năng chính sau:

- + Quản lý, lưu trữ, phân loại văn bản quy phạm pháp luật.
- + Tra cứu, thống kê, phân tích dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật.
- + Quản trị, quản lý dữ liệu người dùng hệ thống.
- + Tích hợp với hệ thống quản lý văn bản, đăng nhập xác thực một lần (SSO)

tỉnh Ninh Bình.

- Triển khai phần mềm Văn bản Quy phạm pháp luật tại hạ tầng Trung tâm dữ liệu tỉnh Ninh Bình.

- Vận hành, đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm.

4. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện đầu tư, nâng cấp phần mềm: Quý IV/2026.

5. Quy mô, phạm vi triển khai

a) Quy mô: Phần mềm Văn bản Quy phạm pháp luật tỉnh Ninh Bình phục vụ công tác quản trị, thống kê, tra cứu các văn bản quy phạm pháp luật của cán bộ Trung tâm Tin học Công báo - Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình. Văn bản quy phạm pháp luật sau khi được xuất bản được công khai trên mạng internet phục vụ cho các tổ chức, doanh nghiệp, người dân tra cứu thuận tiện, nhanh chóng.

Phần mềm Văn bản Quy phạm pháp luật tỉnh Ninh Bình được triển khai trên hạ tầng Trung tâm dữ liệu tỉnh tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình.

b) Phạm vi triển khai: Toàn bộ hoạt động quản lý, biên tập, phê duyệt, đăng tải, lưu trữ, tra cứu, thống kê văn bản quy phạm pháp luật của Văn phòng UBND tỉnh.

- Phạm vi phục vụ: Cán bộ, công chức thực hiện công tác quản trị, biên tập hệ thống; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có nhu cầu tra cứu văn bản được công khai trên môi trường mạng.

6. Địa điểm triển khai

- Cài đặt, lưu trữ dữ liệu tập trung tại Trung tâm dữ liệu tỉnh tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình.

7. Cơ quan, đơn vị sử dụng

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (Trung tâm Thông tin - Công báo) và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng hệ thống.

8. Yêu cầu về chất lượng dịch vụ

8.1. Tuân thủ quy định pháp luật và tiêu chuẩn kỹ thuật

Hệ thống công nghệ thông tin hoạt động ổn định 24/7, đảm bảo liên thông, an toàn bảo mật, an ninh mạng và tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật hiện hành, cụ thể:

- Hệ thống công nghệ thông tin phải đáp ứng quy định tại Quyết định số 292/QĐ-BKHCN ngày 25/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam phiên bản 4.0 và Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về Khung kiến trúc số tỉnh Ninh Bình và phải đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

- Phần mềm phải đáp ứng các yêu cầu về tích hợp, kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác theo Quy định tại Thông tư số 13/2017/TT-BTTTT ngày 03/06/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định các yêu cầu kỹ thuật về kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Tuân thủ các quy định tại Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15 ngày 10/12/2025 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026) và các quy định khác nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

- Phần mềm đáp ứng quy định tại Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số (Chương III - Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường số).

8.2. Yêu cầu về chức năng nghiệp vụ

Chức năng nghiệp vụ của hệ thống được xây dựng để đáp ứng đầy đủ quy trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt, đăng tải, quản lý văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025 (số 64/2025/QH15) và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên cơ sở đó, hệ thống phải đáp ứng đầy đủ các nhóm chức năng cốt lõi sau: Quản trị hệ thống (tài khoản, phân quyền, danh mục dùng chung, quy trình phê duyệt động, nhật ký hệ thống); Tra cứu, xem thông tin văn bản (tìm kiếm,

thống kê, báo cáo, chia sẻ, theo dõi hiệu lực văn bản, lấy ý kiến dự thảo); Liên thông, kết nối hệ thống (API đồng bộ danh mục, tích hợp SSO, tích hợp hệ thống quản lý văn bản). Danh mục chi tiết 44 chức năng (use case) theo từng nhóm được liệt kê tại Phụ lục kèm theo văn bản này.

8.3. Yêu cầu về hiệu năng vận hành

STT	Yêu cầu	Mô tả
1	Yêu cầu về thời gian	Các yêu cầu về thời gian phổ biến như thời gian phản hồi, thời gian xử lý và thời gian trả kết quả khi một hệ thống thực hiện các chức năng đáp ứng yêu cầu người sử dụng trong trạng thái hoạt động bình thường của hệ thống. Yêu cầu về thời gian cần được lượng hóa đảm bảo khả năng đánh giá được. Thời gian cho phép để hệ thống phản hồi lại thông tin đã tiếp nhận yêu cầu xử lý từ phía người sử dụng là 3 giây (s); thời gian cho phép để hiển thị đầy đủ trang thông tin/cổng thông tin điện tử tính là 3 (s); thời gian cho phép để gửi kết quả tìm kiếm thông tin là 10 (s)
2	Tài nguyên sử dụng	Lượng và loại tài nguyên được sử dụng bởi hệ thống khi hệ thống thực hiện các chức năng đáp ứng yêu cầu người sử dụng. Trong đó, một số dạng tài nguyên cơ bản bao gồm: Tài nguyên lưu trữ, vi xử lý (CPU), bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên (RAM), bộ nhớ ảo, tệp tin hệ thống, các chương trình ứng dụng/dịch vụ dùng chung khác. Tài nguyên lưu trữ chiếm dụng của hệ thống trong trạng thái hoạt động bình thường không được phép lớn hơn 80% tài nguyên lưu trữ được phép sử dụng hoặc 20% tài nguyên lưu trữ dùng chung tại mọi thời điểm; tài nguyên vi xử lý mà các phần mềm ứng dụng thuộc hệ thống chiếm dụng của các máy chủ không được phép lớn hơn 40% tài nguyên vi xử lý dùng chung tại mọi thời điểm; bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên mà các phần mềm ứng dụng thuộc hệ thống chiếm dụng của các máy chủ không được phép lớn hơn 50% bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên của máy chủ

3	Công suất tối đa	Các giới hạn tối đa của các tham số của hệ thống trong điều kiện hoạt động bình thường đáp ứng yêu cầu của người sử dụng. Các tham số bao gồm: Số lượng các đối tượng/thực thể có khả năng lưu trữ, số lượng người truy cập đồng thời, băng thông, khối lượng giao dịch thực hiện thành công/đơn vị thời gian, kích thước cơ sở dữ liệu. Đảm bảo khả năng ít nhất 500 người sử dụng dịch vụ truy cập đồng thời; đảm bảo khả năng thực hiện 10 giao dịch/giây; băng thông sử dụng tối đa cho phép là 20% băng thông của toàn mạng; đảm bảo tối thiểu 80% số giao dịch thực hiện thành công/một phút
---	------------------	--

8.4. Yêu cầu về tính liên tục và sẵn sàng

Hệ thống phải được cài đặt trên hạ tầng Trung tâm dữ liệu của tỉnh Ninh Bình, hoạt động liên tục 24/7/365, đảm bảo thời gian hoạt động tối thiểu 99,5%/năm (SLA). Số lần gián đoạn dịch vụ có thể chấp nhận được tối đa 04 lần trong các kỳ bảo trì hoặc có thỏa thuận bằng văn bản giữa hai bên. Toàn bộ cơ sở dữ liệu phải được sao lưu tự động định kỳ; thời gian khôi phục dịch vụ sau sự cố tối đa 72 giờ; tỷ lệ phục hồi dữ liệu và dịch vụ đạt 100%.

Chỉ tiêu SLA nêu trên là mục tiêu kỹ thuật của hệ thống khi bàn giao, nghiệm thu; trách nhiệm bảo đảm của nhà cung cấp áp dụng trong thời gian bảo hành theo hợp đồng.

8.5. Yêu cầu về xử lý sự cố và hỗ trợ kỹ thuật trong thời gian bảo hành

Trong thời gian bảo hành (tối thiểu 36 tháng kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng chính thức), nhà cung cấp có trách nhiệm xử lý sự cố và hỗ trợ kỹ thuật miễn phí cho hệ thống, cụ thể như sau:

Nhà cung cấp phải bố trí tối thiểu 01 nhân sự (trình độ tối thiểu kỹ sư bậc 1/8) thực hiện giám sát, vận hành, hỗ trợ kỹ thuật; có quy trình tiếp nhận và xử lý yêu cầu dịch vụ rõ ràng. Yêu cầu về thời gian đáp ứng và phục hồi theo từng mức độ sự cố:

- Mức độ nghiêm trọng 1 (toàn bộ hệ thống lỗi, không truy cập được): thời gian đáp ứng 2 giờ, thời gian phục hồi 4 giờ.

- Mức độ nghiêm trọng 2 (chức năng chính không hoạt động như đăng nhập SSO, phê duyệt, đăng tải văn bản): thời gian đáp ứng 4 giờ, thời gian phục hồi 8 giờ.

- Mức độ nghiêm trọng 3 (chức năng thứ yếu không hoạt động, ảnh hưởng đáng kể vận hành): thời gian đáp ứng 8 giờ, thời gian phục hồi 1 ngày làm việc.

- Mức độ nghiêm trọng 4 (lỗi nhỏ về hiển thị, giao diện): thời gian đáp ứng 1 ngày làm việc, thời gian phục hồi 3 ngày làm việc.

Nhà cung cấp phải hỗ trợ người dùng qua nhiều kênh: hotline 24/7 đối với sự cố nghiêm trọng; email, hệ thống ticket, hỗ trợ từ xa trong giờ hành chính; hỗ trợ tại chỗ khi cần thiết. Tối thiểu 96% số yêu cầu hỗ trợ phải được tiếp nhận trong vòng 01 ngày làm việc.

8.6. Yêu cầu về cập nhật và bảo trì

Nhà cung cấp phải cập nhật, nâng cấp phần mềm phù hợp với các quy định pháp luật mới về quản lý văn bản quy phạm pháp luật hoặc chuẩn dữ liệu mới ban hành trong suốt thời gian bảo hành mà không thu thêm chi phí. Các bản vá lỗi bảo mật nghiêm trọng phải được triển khai trong vòng 72 giờ kể từ khi phát hiện. Việc nâng cấp, bảo trì phải được thông báo trước tối thiểu 05 ngày làm việc và không làm gián đoạn hoạt động của người dùng trong giờ hành chính.

9. Yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ

9.1. Chức năng cơ bản của phần mềm

(Danh sách chức năng phần mềm theo Phụ lục kèm theo văn bản này, chi tiết tại Mục 8.2)

9.2. Yêu cầu phi chức năng

a) Yêu cầu về giao diện và khả năng sử dụng

Giao diện thân thiện, dễ sử dụng, hỗ trợ đa dạng thiết bị truy cập (máy tính để bàn, laptop, thiết bị di động, máy tính bảng), đảm bảo hiển thị responsive; ngôn ngữ hiển thị bằng tiếng Việt theo chuẩn Unicode dựng sẵn (TCVN 6909:2001), đảm bảo hiển thị đúng, đầy đủ dấu tiếng Việt trên mọi trình duyệt, thiết bị; bố cục, độ tương phản, font chữ, kích thước hiển thị đảm bảo dễ đọc.

b) Yêu cầu về cơ sở dữ liệu

Cơ sở dữ liệu được thiết kế chuẩn hóa, tối ưu cho việc lưu trữ dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật, danh mục dùng chung và dữ liệu người dùng; đảm bảo tính toàn vẹn, tránh dư thừa dữ liệu; có cơ chế sao lưu (backup) tự động theo lịch trình định sẵn, dễ dàng phục hồi khi có sự cố.

c) Yêu cầu về hạ tầng và triển khai

Hệ thống được cài đặt và vận hành tập trung tại Trung tâm dữ liệu tỉnh Ninh Bình, đảm bảo quyền kiểm soát hoàn toàn về hạ tầng và dữ liệu thuộc về địa phương; hỗ trợ cài đặt trên Windows Server hoặc Ubuntu; đảm bảo tính sẵn sàng với giao thức IPv6 theo quy định của nhà nước.

d) Yêu cầu về an toàn thông tin

Đáp ứng bảo đảm an toàn thông tin cấp độ 2 (theo xác định tại Mục 11) theo Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15, Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và Nghị định số 137/2024/NĐ-CP; tuân thủ TCVN 11930:2017; không tồn tại lỗ hổng bảo mật theo chuẩn OWASP Top 10. Phân quyền truy cập theo vai trò (RBAC: Quản trị hệ thống, Quản trị đơn vị, Người xem/CBCC); mã hóa dữ liệu truyền tải (HTTPS/TLS); xác thực bằng JSON Web Token và sẵn sàng kết nối SSO của tỉnh theo giao thức chuẩn quốc tế (OpenID Connect, SAML). Toàn bộ hoạt động người dùng phải được ghi nhật ký (audit log) phục vụ kiểm tra, truy vết.

e) Yêu cầu về kết nối và liên thông

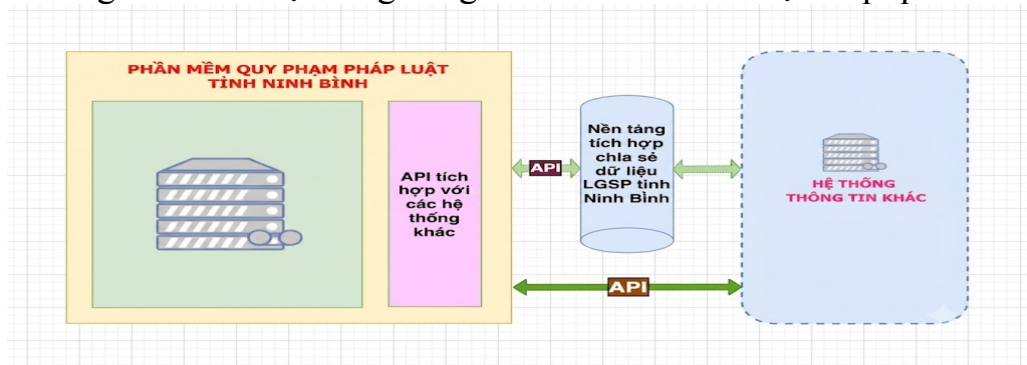
Hệ thống cung cấp sẵn bộ RESTful API chuẩn (HTTPS) để kết nối, chia sẻ dữ liệu hai chiều với các hệ thống dùng chung của tỉnh (hệ thống quản lý văn bản, hệ thống SSO...) thông qua nền tảng LGSP; bắt buộc tích hợp, xác thực một chạm với Hệ thống xác thực tập trung SSO của tỉnh.

f) Yêu cầu về kiểm soát dữ liệu đầu vào

Hệ thống có cơ chế bắt lỗi (exception handling) đối với các lỗi phát sinh, không hiển thị trực tiếp thông tin kỹ thuật ra giao diện người dùng, lỗi được ghi nhận vào nhật ký hệ thống; kiểm tra tính nhất quán logic nghiệp vụ (trạng thái văn bản, quy trình phê duyệt), đảm bảo giao dịch được thực hiện trọn vẹn hoặc hoàn tác (rollback) khi có lỗi phát sinh; xác thực (validate) dữ liệu đầu vào tại cả phía giao diện và phía máy chủ, ngăn chặn các dạng tấn công liên quan đến dữ liệu đầu vào (SQL Injection, XSS...), thông báo rõ ràng bằng tiếng Việt khi dữ liệu nhập không hợp lệ.

10. Yêu cầu kết nối, liên thông

Phần mềm Văn bản quy phạm pháp luật tỉnh Ninh Bình đáp ứng yêu cầu kết nối chia sẻ dữ liệu cho các hệ thống CSDL khác thông qua nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP tỉnh Ninh Bình qua mạng TSLCD hoặc qua môi trường internet. Hệ thống cũng có thể kết nối trực tiếp qua API.



Mô hình kết nối liên thông dữ liệu

Việc kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Ninh Bình (LGSP tỉnh Ninh Bình) tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam phiên bản 4.0 (ban hành kèm theo Quyết định số 292/QĐ-BKHCN ngày 25/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ) và Khung kiến trúc số tỉnh Ninh Bình (ban hành kèm theo Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình).

- Phần mềm khi thiết kế cần tuân thủ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15; Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15; Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước; và Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị và Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung;

- Hệ thống phần mềm khi thiết kế cần đảm bảo bảo tính mở để sẵn sàng kết nối, trao đổi chia sẻ dữ liệu với các hệ thống trong tương lai. Hệ thống phần mềm ngoài việc tuân thủ các chuẩn kết nối, trao đổi, chia sẻ dữ liệu của kiến Chính phủ điện tử thì cần phải đưa ra các chuẩn kết nối, trao đổi, chia sẻ chuẩn dữ liệu nghiệp vụ khác theo yêu cầu của đơn vị chủ quản.

- Hệ thống có tính mở; phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc, định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối với các hệ thống khác theo yêu cầu cụ thể của chủ đầu tư.

10.1. Kết nối nền tảng LGSP

Hệ thống phải cung cấp bộ API chuẩn (HTTPS) để kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung (LGSP) của tỉnh Ninh Bình qua mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) hoặc qua môi trường internet; hệ thống cũng có thể kết nối trực tiếp qua API.

10.2. Kết nối hệ thống xác thực tập trung SSO

Hệ thống phải sẵn sàng kết nối với Hệ thống xác thực tập trung (SSO) của tỉnh theo các giao thức chuẩn quốc tế, đảm bảo cán bộ, công chức chỉ cần một tài khoản thư điện tử công vụ duy nhất để đăng nhập một chạm.

10.3. Kết nối hệ thống Quản lý văn bản và điều hành

Hệ thống phải sẵn sàng kết nối với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh theo các giao thức chuẩn quốc tế (API) để chia sẻ, lấy thông tin văn bản, tài liệu phục vụ hoạt động phê duyệt, đăng tải văn bản quy phạm pháp luật.

10.4. Đồng bộ danh mục điện tử dùng chung

Hệ thống phải sẵn sàng kết nối với hệ thống quản lý danh mục điện tử dùng chung của tỉnh thông qua LGSP để tự động đồng bộ danh mục cơ quan ban hành, danh mục loại văn bản và các danh mục dùng chung khác.

Phần mềm khi thiết kế phải tuân thủ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15; Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15; Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03/7/2025; Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị; đảm bảo tính mở, sẵn sàng kết nối, trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống trong tương lai; phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc, định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối theo yêu cầu cụ thể của chủ đầu tư.

11. Yêu cầu an toàn bảo mật

Hệ thống phần mềm Văn bản Quy phạm pháp luật phục vụ việc quản lý, lưu trữ, công khai dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có xử lý dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật và dữ liệu người dùng cán bộ của Văn phòng UBND tỉnh; không xử lý thông tin bí mật nhà nước. Căn cứ khoản 1 Điều 8 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP, hệ thống được đề xuất bảo đảm an toàn thông tin cấp độ 2.

11.1. Tuân thủ quy định pháp luật về an toàn thông tin

- Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15 ngày 10/12/2025 (hiệu lực thi hành từ 01/7/2026).

- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2016/NĐ-CP.

- TCVN 11930:2017 - Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn - Yêu cầu cơ bản về an toàn thông tin theo cấp độ.

Nhà cung cấp phải hoàn thiện đầy đủ hồ sơ đề xuất cấp độ và hồ sơ an toàn thông tin cấp độ 2 của hệ thống theo quy định, bao gồm: hồ sơ đề xuất cấp độ, phương án bảo đảm an toàn thông tin, kết quả kiểm tra đánh giá an toàn thông tin trước khi đưa hệ thống vào vận hành chính thức và định kỳ trong quá trình khai thác, sử dụng. Chi phí dịch vụ an toàn thông tin cấp độ 2 đã được tính trong dự

toán đầu tư nâng cấp phần mềm và do nhà cung cấp chịu trách nhiệm bảo đảm trong suốt thời gian bảo hành, bảo trì hệ thống.

11.2. Kiểm soát truy cập và xác thực

- Hệ thống cho phép nhiều đối tượng sử dụng tùy theo mục đích, nhu cầu: lãnh đạo, cán bộ sử dụng và người dân, doanh nghiệp có nhu cầu tra cứu thông tin.

- Cho phép phân quyền linh hoạt: việc phân quyền dựa vào quản trị viên hệ thống tạo tài khoản và phân quyền cho từng tài khoản.

- Bảo mật: chỉ cho phép truy cập dữ liệu đối với các đối tượng được phân quyền tương ứng; hỗ trợ cấu hình bảo mật nhiều mức (trình diễn, nghiệp vụ, truy cập dữ liệu); sử dụng kênh kết nối an toàn khi truy cập máy chủ ứng dụng và công cụ quản lý.

- Xác thực: kiểm tra tính đúng đắn của thực thể giao tiếp với hệ thống dựa trên các thông tin xác định tính duy nhất của thực thể.

11.3. Mã hóa và bảo vệ dữ liệu truyền tải

Không cho phép tên tài khoản và mật khẩu đăng nhập được truyền trên môi trường mạng mà không được mã hóa; toàn bộ dữ liệu truyền tải giữa máy chủ và trình duyệt người dùng được mã hóa bằng giao thức HTTPS/TLS phiên bản mới nhất; dữ liệu lưu trữ nhạy cảm (mật khẩu, thông tin xác thực) được mã hóa một chiều, nghiêm cấm lưu trữ dưới dạng văn bản thuần.

11.4. Nhật ký hoạt động (Audit Log)

Hệ thống hỗ trợ việc truy vết và kiểm toán ở các lớp tương tác (trình diễn, nghiệp vụ, truy cập dữ liệu) nhằm xác định chính xác thực thể gây ra sự kiện/hành động, đảm bảo các sự kiện, hành động không thể bị phủ nhận (chống chối bỏ). Nhật ký phải được bảo vệ, không thể chỉnh sửa hoặc xóa, lưu trữ tối thiểu trong toàn bộ thời gian vận hành hệ thống.

11.5. Giám sát và phòng chống tấn công

Hệ thống được thiết kế thành các vùng mạng riêng biệt (vùng DMZ - máy chủ ứng dụng, vùng máy chủ cơ sở dữ liệu nội bộ), được kiểm soát truy cập qua thiết bị tường lửa có tích hợp tính năng chặn lọc gói tin, phòng chống tấn công mạng. Nhà cung cấp phối hợp với đội ngũ quản trị hạ tầng của tỉnh trong công tác giám sát, ứng cứu, xử lý sự cố an toàn thông tin khi phát hiện tấn công, xâm nhập hệ thống.

11.6. Sao lưu và phục hồi dữ liệu

Dữ liệu lưu trong hệ thống được sao lưu dự phòng tự động 24/24 bằng một hệ thống song hành nhằm tránh mất mát dữ liệu; dữ liệu hệ thống có thể kết xuất ra các thiết bị lưu trữ ngoài và phục hồi khi cần thiết, đảm bảo khả năng phục hồi 100%.

12. Yêu cầu về triển khai và hỗ trợ

12.1. Yêu cầu về triển khai

Nhà cung cấp thực hiện cài đặt, triển khai hệ thống trên hạ tầng Trung tâm dữ liệu tỉnh Ninh Bình trong thời gian tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, bao gồm: cấu hình hệ thống, phân quyền người dùng, khai báo danh mục dùng chung, tích hợp kết nối các hệ thống liên quan (LGSP, SSO, hệ thống quản lý văn bản) và chuyển đổi dữ liệu từ hệ thống cũ, đảm bảo toàn vẹn, không mất mát dữ liệu trong quá trình chuyển đổi.

12.2. Yêu cầu về đào tạo, hướng dẫn sử dụng

Nhà cung cấp tổ chức đào tạo, hướng dẫn sử dụng hệ thống cho cán bộ quản trị, vận hành và người sử dụng trước khi đưa vào vận hành chính thức. Tài liệu đào tạo bằng tiếng Việt, cung cấp dưới dạng bản mềm để người dùng tải về, tra cứu.

12.3. Yêu cầu về vận hành thử

Trước khi nghiệm thu chính thức, hệ thống được vận hành thử tối thiểu 15 ngày để xác nhận toàn bộ các chức năng đáp ứng đầy đủ yêu cầu về tính hoàn thiện, tính chính xác của dữ liệu và tính tương thích theo yêu cầu đặt ra.

12.4. Yêu cầu về hỗ trợ kỹ thuật trong thời gian bảo hành

Trong thời gian bảo hành nêu tại Mục 8.5, nhà cung cấp thực hiện hỗ trợ kỹ thuật qua các kênh sau, không thu thêm chi phí:

- Hỗ trợ qua điện thoại (hotline): hoạt động 24/7, ưu tiên tiếp nhận và xử lý các sự cố nghiêm trọng ngoài giờ hành chính.
- Hỗ trợ trực tuyến (online): qua email, hệ thống ticket, phần mềm hỗ trợ từ xa trong giờ hành chính; đảm bảo tối thiểu 96% yêu cầu hỗ trợ được tiếp nhận trong vòng 01 ngày làm việc.
- Hỗ trợ tại chỗ (onsite): cử cán bộ kỹ thuật trực tiếp đến địa điểm của đơn vị khi hỗ trợ từ xa không giải quyết được sự cố.
- Hệ thống tài liệu trực tuyến: cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng, video hướng dẫn, câu hỏi thường gặp (FAQ) cập nhật thường xuyên.

13. Các yêu cầu khác

Nhà cung cấp dịch vụ phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

- Về tư cách pháp lý: có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp lệ, trong đó có ngành nghề kinh doanh phần mềm;
- Về năng lực chuyên môn: đội ngũ chuyên gia, kỹ sư có kinh nghiệm xây dựng hệ thống quản lý văn bản quy phạm pháp luật, có năng lực chuẩn hóa, chuyển đổi dữ liệu và tích hợp SSO/LGSP.

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHI TIẾT CHỨC NĂNG (USE CASE) PHẦN MỀM VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT TỈNH NINH BÌNH
(Kèm theo Văn bản đề nghị báo giá Nâng cấp phần mềm Văn bản Quy phạm pháp luật tỉnh Ninh Bình)

STT	Tên chức năng (Use case)
I. QUẢN TRỊ HỆ THỐNG	
1	Đăng nhập/Đăng xuất
2	Quản trị tài khoản
3	Quản trị phân quyền vai trò
4	Quên mật khẩu
5	Cấu hình tham số hệ thống
6	Quản trị danh mục loại văn bản
7	Quản trị danh mục cơ quan ban hành
8	Quản trị danh mục người ký văn bản
9	Quản trị nội dung văn bản
10	Quản trị trạng thái văn bản
11	Quản trị nhật ký hệ thống (Audit Log)
12	Phê duyệt văn bản
13	Cấu hình luồng phê duyệt động
14	Phê duyệt ý kiến
15	Xem danh sách ý kiến đóng góp phần mềm
II. TRA CỨU, XEM THÔNG TIN VĂN BẢN	
16	Xem hướng dẫn sử dụng
17	Tìm kiếm thông tin văn bản theo nội dung
18	Tìm kiếm văn bản theo thuộc tính
19	Xem thống kê văn bản theo biểu đồ
20	Thống kê lượt truy cập & tra cứu
21	Xem danh sách toàn bộ văn bản theo năm
22	Xem danh sách văn bản theo thuộc tính
23	Xem văn bản dạng PDF
24	Báo cáo tổng hợp văn bản
25	Tạo mã QR cho văn bản
26	Xem lịch sử hiệu lực văn bản
27	In văn bản
28	Đóng góp ý kiến phần mềm
29	Bình luận hỏi đáp, đóng góp ý kiến về văn bản

STT	Tên chức năng (Use case)
30	Xem danh sách dự thảo
31	Gửi ý kiến góp ý dự thảo
32	Quản lý ý kiến góp ý
33	Xem văn bản mới ban hành
34	Xem văn bản hết hiệu lực
35	Xem văn bản sắp có hiệu lực
36	Xem văn bản liên quan
37	Đăng ký nhận thông báo văn bản
38	Lưu trữ văn bản cá nhân
39	Xem lược đồ quan hệ văn bản
40	Chia sẻ văn bản
III. LIÊN THÔNG, KẾT NỐI HỆ THỐNG	
41	Tích hợp với API lấy thông tin văn bản của hệ thống quản lý văn bản
42	Tích hợp API đồng bộ danh mục cơ quan ban hành
43	Tích hợp API đồng bộ danh mục loại văn bản
44	Tích hợp với API dịch vụ SSO tỉnh